TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 121/2025/DS-ST Ngày 29 - 9 - 2025 V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Thanh Sáng.

Ông Nguyễn Văn Hơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2025/TLST - DS ngày 15 tháng 7 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1970; địa chỉ: ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông Nguyễn Văn L): Bà Đinh Quỳnh D, sinh năm: 2001; địa chỉ: số nhà C ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là số nhà C ấp L, xã V, tỉnh Vĩnh Long), theo văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 7 năm 2025; bà D có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Lữ Thị Kim X, sinh năm: 1983; địa chỉ: ấp L, xã V, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản phiên họp, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông Nguyễn Văn L) là bà Đinh Quỳnh D trình bày: Ngày 04/01/2023 ông L có cho bà Lữ Thị Kim X vay số tiền 50.000.000đồng, có lập hợp đồng mượn tiền cùng ngày 04/01/2023, cho vay không có lãi, thời gian vay từ ngày 04/01/2023 đến ngày 04/4/2023. Do bà X vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà X trả lại cho ông L số tiền là 50.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 10/9/2025, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà X, yêu cầu bà X trả lại cho nguyên đơn số tiền là 40.000.000đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại ấp L, xã V, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn L khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[2] Mặc dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn là bà Lữ Thị Kim X vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đinh Quỳnh D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt bà D, bà X là phù hợp với quy định tại các điều 207, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc là 50.000.000đồng, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn có cung cấp "Hợp đồng mượn tiền" ngày 04/01/2023. Xét tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, hội đồng xét xử nhận thấy: "Hợp đồng mượn tiền" ngày 04/01/2023 cùng có chữ ký tên và chữ viết ghi họ tên của bị đơn bên dưới mục "Đại diện bên B" nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[3.2] Trong giai đoạn xét xử, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000đồng nên cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[3.3] Về phía bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều vắng mặt và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn (mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt) nên bị đơn phải chịu trách nhiệm do việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[4.1] Ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Bà Lữ Thị Kim X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 40.000.0000 x 5% = 2.000.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466 và điều 468 của Bộ luật dân sự; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn L đối với bị đơn là bà Lữ Thị Kim X.

Buộc bị đơn là bà Lữ Thị Kim X có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền nợ vay là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Ghi nhận việc ông Nguyễn Văn L không yêu cầu bà Lữ Thị Kim X trả tiền lãi.

[2] Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn L đối với số tiền gốc là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[3.1] Ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000174 ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

[3.2] Bà Lữ Thị Kim X có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000đồng (hai triệu đồng).

[4] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày ông Nguyễn Văn L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Lữ Thị Kim X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[6] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GĐ,KTr,TT&THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyền